TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 629 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Kim Hường

2. Ông Đỗ Quang Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 506/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1971; Thường trú: đường T, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1971; Thường trú: đường T, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày: Ông và bà M tự nguyện chung sống năm 1991 nhưng đến năm 1995 mới đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/P20, số 42/1995-TH ngày 19/10/1995 tại Ủy ban nhân dân phường 20, quận Tân Bình nay là phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, hai bên đã cố gắng hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau gần 11 năm, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà M để ổn định cuộc sống.

- *Về quan hệ con chung*: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 18/4/1991, Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 11/5/2002 và Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 03/11/2007. Hai trẻ Hồng T và Hồng K đã trưởng thành, đã có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với trẻ Hồng L thì lúc trước có ở với ông nhưng sau này về nhà ở với bà M. Khi ly hôn, ông đồng ý giao trẻ Hồng L cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con*: Ông làm lao động tự do, ai thuê gì làm nấy. Gần 8 tháng nay, không ai thuê nên kinh tế ông gặp nhiều khó khăn. Bà M yêu cầu ông cấp dưỡng 01 lần số tiền 200 triệu đồng thì ông không đồng ý bởi vì ông không có đủ điều kiện để thực hiện, khả năng ông chỉ cấp dưỡng nuôi con Hồng L mỗi tháng là 1.500.000 đồng/tháng.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung gần 11 năm. Nay ông H yêu cầu ly hôn thì bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông H cấp dưỡng nuôi con Hồng L một lần với số tiền 200 triệu đồng. Nếu ông H không thực hiện thì bà không đồng ý ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: có ba con chung tên Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 18/4/1991, Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 11/5/2002 và Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 03/11/2007. Hai con chung Hồng T và Hồng K đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, bà M yêu cầu nuôi con chung Hồng L.

- *Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con*: Bà không đồng ý mức cấp dưỡng ông H đề nghị. Bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con một lần với số tiền 200 triệu đồng. Lý do bà yêu cầu cấp dưỡng nuôi con một lần để có chi phí cho cháu L học nghề. Ông H có đủ điều kiện cấp dưỡng nhưng do ông H không muốn cấp dưỡng cho con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, gồm có: 01 nền đất tọa lạc tại số đường L, khu phố 7, phường T, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; nhà và đất tọa lạc tại số đường T, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà yêu cầu được chia số tiền 1.500.000.000 đồng. Tòa án có thông báo cho bà M biết nếu yêu cầu giải quyết tài sản chung thì phải nộp đơn, cung cấp chứng cứ và thực hiện nghĩa vụ tạm nộp án phí theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà M không thực hiện.

- *Về nợ chung*: Không có.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn ông H yêu cầu được ly hôn với bà M. Khi ly hôn, giao trẻ Hồng L cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Đối với hai trẻ Hồng T và Hồng K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai bên tự giải quyết tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn bà M xác nhận không còn tình cảm với ông H nhưng bà chỉ đồng ý ly hôn với ông H khi ông H cấp dưỡng nuôi trẻ Hồng L một lần với số tiền 200 triệu đồng hoặc cấp dưỡng hàng tháng là 4.000.000 đồng. Nếu Tòa án có chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H thì bà yêu cầu được nuôi trẻ Hồng L, yêu cầu ông H cấp dưỡng một lần số tiền 200 triệu đồng hoặc cấp dưỡng hàng tháng là 4.000.000 đồng. Đối với hai con Hồng T và Hồng K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết tài sản chung mà để hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Về nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được qui định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56, Điều 57, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H. Khi ly hôn, bà M trực tiếp nuôi trẻ Hồng L. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Tài sản chung tự thỏa thuận giải quyết; về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 01/P20, số 42/1995-TH ngày 19/10/1995 tại Ủy ban nhân dân phường 20, quận Tân Bình nay là phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà M có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay ông H yêu cầu ly hôn, Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp

với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông H yêu cầu ly hôn, bà M chỉ đồng ý ly hôn khi ông H cấp dưỡng nuôi trẻ Hồng L một lần 200 triệu đồng. Đây là vấn đề tranh chấp cần giải quyết.

Xét, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, các bên đều thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã không sống chung gần 11 năm, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Bà M không đồng ý ly hôn là do ông H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con một lần với số tiền là 200 triệu đồng hoặc cấp dưỡng hàng tháng là 4.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích của hôn nhân là "vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc", trong trường hợp này giữa ông H và bà M đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung. Tại phiên tòa, ông H và bà M đều xác định không còn tình cảm với nhau, do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông H là có cơ sở và phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về quan hệ con chung:* có ba con chung tên Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 18/4/1991, Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 11/5/2002 và Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 03/11/2007.

Xét, các bên thống nhất sau khi ly hôn, bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hồng L. Hội đồng xét xử nhận thấy, trẻ Hồng L là con gái đang tuổi phát triển, cần sự quan tâm chăm sóc của bà M nhiều hơn và hiện nay đang ở cùng với bà M, do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, tránh xáo trộn cuộc sống của trẻ, do đó, giao trẻ Hồng L cho bà M nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với hai trẻ Hồng T và Hồng K đã trưởng thành, có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*:

Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì "*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*, do đó, bà M yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng"*

Xét, bà M yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi trẻ Hồng L một lần với số tiền 200 triệu đồng hoặc cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy, để xác định mức cấp dưỡng nuôi con cần căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nhu cầu

thiết yếu (hợp lý) của người được cấp dưỡng. Tại phiên tòa, ông H xác định là lao động tự do, nghề nghiệp không ổn định nên không có thu nhập ổn định, khả năng chỉ có thể cấp dưỡng nuôi trẻ Hồng L 2.000.000 đồng/tháng. Ông H, bà M cùng xác nhận hiện nay trẻ Hồng L đã nghỉ học, đang phụ chị gái buôn bán và được chị gái hỗ trợ chi phí ăn, ở, sinh hoạt hàng tháng, bên cạnh đó việc cấp dưỡng cũng cần đảm bảo mức sống tối thiểu của ông H để ông H tiếp tục tái tạo sức lao động của mình. Do đó, có căn cứ xác định mức cấp dưỡng nuôi trẻ Hồng Loan là 2.000.000 đồng/tháng là có cơ sở chấp nhận.

Về thời gian cấp dưỡng: Ông H đồng ý cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu thực hiện kể từ tháng 08/2023 và chấm dứt theo các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là có cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông H và bà M cùng xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0013608 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông H phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Hữu H được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc M

Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/P20, số 42/1995-TH ngày 19/10/1995 tại Ủy ban nhân dân phường 20, quận Tân Bình nay là phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông H và bà M chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung*: có ba con chung tên Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 18/4/1991, Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 11/5/2002 và Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 03/11/2007. Khi ly hôn, bà M trực tiếp nuôi trẻ Hồng L . Đối với hai con chung Hồng T và Hồng K đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không xem xét giải quyết.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Ông H cấp dưỡng nuôi trẻ Hồng T số tiền 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng/tháng). Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 (một) mỗi tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2023 và chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Địa điểm thi hành: Tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành án thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông H có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Hai bên xác nhận không có.

2. ***Về án phí:*** Ông Nguyễn Hữu H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng, số tiền án phí trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0013608 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông H phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng

3. 3. Quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Hữu H, bà Trần Thị Ngọc M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ (Vinh)./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Thị Thanh Mai